TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST Ngày 11-02-2022 V/v tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khúc Thị Minh

Ông Cao Văn Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2021/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2021 về "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị N, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Bùi Đình T, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn ngày 30 tháng 11 năm 2021, bản tự khai ngày 20 tháng 12 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị N trình bày:

Năm 2010, chị kết hôn với anh Bùi Đình T do tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức hỏi, cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện K,

thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, anh chị sinh được hai con chung. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014, do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên cuối năm 2015 chị làm đơn xin ly hôn anh T gửi đến Tòa án. Tại Bản án hôn nhân gia đình số 04/2016/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng đã giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Đình T1, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2013 cho đến khi con đủ 18 tuổi, giao anh Bùi Đình T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Đình N, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2011 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, chị và anh T đều được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Chị nuôi cháu T1 được khoảng gần 01 năm thì bố đẻ chị ốm nặng, chị cùng mẹ đẻ thay nhau chăm sóc ngày đêm. Vì thế chị đưa cháu T1 về nhà anh T nhờ anh T và gia đình chăm sóc cháu giúp chị trong một thời gian ngắn. Anh T đồng ý, khi bố đẻ chị qua đời được 20 ngày, chị đến gặp anh T với mục đích đón cháu T1 về tiếp tục nuôi dưỡng nhưng gia đình anh T đề nghị để cháu T1 ở cùng nhà với cháu N cho vui và tiện đưa đón các cháu đi học. Vì vậy, chị và anh T thống nhất để anh T nuôi cả hai con chung. Chị vẫn cấp dưỡng cho con đầy đủ. Từ năm 2016 đến năm 2021, anh T và gia đình anh không ai có lời lẽ, hành vi cản trở chị trong việc thăm nom con chung, hai bên rất vui vẻ với nhau. Tuy nhiên, từ khoảng tháng 8 năm 2021 anh T kết hôn với vợ mới thì anh T và gia đình anh T gây khó khăn, có lời lẽ xúc phạm chị, không cho chị thăm nom hai con chung, không cho chị đón cháu N, T1 về nuôi dưỡng. Nguyên nhân do anh T cho rằng chị không cấp dưỡng cho con, không cho gặp chị vì sợ dịch Covid 19 hoặc lấy lí do nhà có đám. Chị mua điện thoại cho cháu N để cháu học Online và liên lạc với cháu thì anh T cũng đập điện thoại. Chị muốn gặp con chung thì phải gọi điện xin phép, báo trước nhưng anh T lại chặn số điện thoại của chị. Ngày 27 tháng 9 năm 2021, cháu Bùi Đình N vì nhớ chị đã tự ý trèo tường đi bộ về nhà ông bà ngoại nhưng chị đã gọi taxi đón cháu về nhà ông bà ngoại, chị cũng đã gọi điện thông báo tới gia đình nhà chồng và đến chính quyền xã T để trình báo vụ việc. Tháng 10 năm 2021, chị làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân huyện K, yêu cầu giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Quá trình Tòa án giải quyết, hai bên đã tự thỏa thuận được với nhau về việc để anh T nuôi hai con chung, anh T cũng đồng ý cho chị thăm nom các con nên chị đã tự nguyện rút đơn khởi kiện, không có yêu cầu gì khác. Tuy nhiên, đến ngày 28 tháng 11 năm 2021 khi chị đến thăm các con tại nhà anh T thì anh T không thực hiện lời hứa, có lời lẽ xúc phạm, không cho chị thăm, mua quà cho các con và còn có hành vi đánh chị trước mặt con và hàng xóm. Chị biết từ trước đến nay anh T không có công việc ổn định, thu nhập mỗi tháng khoảng 4 triệu đồng, không dành thời gian chăm sóc trực tiếp các con, chủ yếu phụ thuộc vào bố mẹ đẻ trong việc chăm sóc và đưa đón các cháu đến trường hàng ngày. Chị có công việc ổn định tại Công ty TNHH Omega thiết bị điện S, thu nhập từ 14.000.000 đồng trở lên. Chị sống cùng nhà với mẹ đẻ và đây cũng là chỗ ở ổn

định, lâu dài của chị. Nay để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con chung, chị đề nghị Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, chị xin nhận nuôi cháu Bùi Đình N, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2011 và đồng ý để anh Bùi Đình T trực tiếp nuôi cháu Bùi Đình T1, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2013.

Về cấp dưỡng cho con: Do mỗi người nuôi một con nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là anh T trình bày: Anh thống nhất với chị N về thời gian kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc đã sinh được hai con chung. Do quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên cuối năm 2015 chị N làm đơn xin ly hôn anh. Tại Bản án hôn nhân gia đình số 04/2016/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện K đã giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Đình T1, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2013 đến khi con đủ 18 tuổi, giao cho anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Đình N, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2011 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng cho con chung. Sau khi ly hôn, chị N nuôi cháu T1 được vài tháng thì không nuôi nữa nên anh nuôi cả hai cháu N và T1 đến nay. Chị N cũng không cấp dưỡng nuôi con chỉ thỉnh thoảng mua quần áo và ít sữa. Chị N xúi giục cháu N trốn về nhà chị N và do hiện nay tình hình dịch Covid 19 kéo dài nên anh không cho chị N gặp cháu N thường xuyên. Nay chị N xin thay đổi người nuôi con, chị nhận nuôi cháu N, anh không đồng ý vì lời trình bày của chị N về điều kiện nuôi con của anh và việc anh có hành vi cản trở chị thăm con là không đúng. Hiện nay, anh có nghề nghiệp là buôn bán tự do, thu nhập ổn định mỗi tháng 15 triệu đồng, ở cùng nhà với bố mẹ đẻ. Do vậy anh vẫn tiếp tục nhận nuôi cả hai con chung đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng cho con: Chị N phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho con với anh theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và không chấp hành nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 3 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, của Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ các điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị N, giao cháu Bùi Đình N, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2011 cho chị N nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao cháu Bùi Đình T1, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn" theo quy định tại khoản 3 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Bùi Đình T là bị đơn có nơi cư trú tại thôn N, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

[2] Về con chung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp có trong hồ sơ vụ án và qua xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ về chỗ ở, thu nhập, thời gian làm việc, điều kiện chăm sóc trực tiếp các con chung của chị N, anh T theo yêu cầu của đương sự tại chính quyền địa phương và những người có liên quan thể hiện: Sau khi ly hôn với anh T tháng 01 năm 2016, chị N nuôi cháu T1 được khoảng gần 01 năm thì giữa anh chị thỏa thuận bằng miệng về việc để hai con chung cho anh T nuôi. Chị N vẫn cấp dưỡng cho con đầy đủ. Từ năm 2016 đến năm 2021, anh T và gia đình anh T không ai có lời nói, hành vi cản trở chị N trong việc thăm nom cháu T1 và cháu N.Tuy nhiên, từ khoảng tháng 8 năm 2021, anh T và gia đình anh có lời nói xúc phạm chị N, có hành vi cản trở, không cho chị N thăm nom các con. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không cung cấp được tài liệu

về việc anh có thu nhập hợp pháp, ổn định, để chứng minh anh có đủ điều kiện về kinh tế, thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung theo quy định của pháp luật. Công an xã Đ xác định anh T có lời nói xúc phạm, có hành vi gây cản trở chị N trong việc thăm nom, chăm sóc con chung dẫn đến anh chị xảy ra xô xát, chính quyền địa phương phải phổ biến, nhắc nhở anh T chấp hành các quy định của pháp luật. Từ trước đến nay, anh T không có việc làm thường xuyên, thu nhập không ổn định. Việc chăm sóc con chung hàng ngày phụ thuộc vào bố mẹ đẻ anh T. Bố mẹ anh T đã già, việc hỗ trợ chăm sóc các con anh T trong thời gian dài không đảm bảo. Chị N có chỗ ở là nhà của mẹ đẻ chị, có công việc, thu nhập ổn định tại Công ty TNHH Omega thiết bị điện S, thu nhập mỗi tháng từ 14.000.000 đồng trở lên. Xét thấy những lời nói, hành vi của anh T đối với chị N là không phù hợp theo quy định tại các điều 81, 82, 83, và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Cháu N có nguyện vọng ở cùng chị N, cháu T1 có nguyện vọng ở cùng anh T. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của chị N là có cơ sở nên cần giao cháu N cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại các điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình cũng như ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa; không chấp nhận yêu cầu nhận nuôi cả hai con chung của anh T.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Do mỗi người nuôi một con chung nên không bên nào phải cấp dưỡng cho con chung là phù hợp.

[4] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị N về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn với anh Bùi Đình T. Giao cháu Bùi Đình N, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2011 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao cháu Bùi Đình T1, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị N, anh T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Không bên nào phải cấp dưỡng cho con chung nên không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000[đ] (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000[đ] (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu ký hiệu AA/2021, số 0001624 ngày 20 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị N đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị N, anh T đều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7[a] và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K, HP;
- Chi cục THADS huyện K, HP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Hoàng